

Bản án số: 40/2021/HS-ST

Ngày 08-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Hý và ông Nguyễn Văn Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Khôi, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Mùa A S, sinh năm 1988, tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Mùa A H, đã chết; Con bà: Cư Thị L, sinh năm 1956.

Bị cáo có vợ Giàng Thị L, sinh năm 1999 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/3/2021, tạm giam ngày 12/3/2021, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Mùa A S:** Bà Bùi Thúy A, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vàng A T, chức vụ Chủ tịch, có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Mùa A P, sinh năm 1981, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

* **Người làm chứng:**

- Cur Văn C, sinh năm 1994, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Sùng A Dính, sinh năm 1975, địa chỉ bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

* **Người được triệu tập đến phiên tòa:** Ông Trần Đức Quyền, chức vụ nguyên Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2020, Mùa A S đã mượn mảnh đất nương cũ bỏ hoang từ năm 2011 của anh trai là Mùa A P mua của Vàng A H từ trước. Mảnh đất nương gần khe suối thuộc bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Ngày 14/3/2020, bị cáo nói với vợ là Giàng Thị L nhờ 09 người anh em trong bản đi phát nương đổi công cho nhau bao gồm Ma A G, Hạng Thị C, Ma Seo N, Ma Seo S, Mùa A T, Mùa A S, Mùa A S, Hờ Thị L, Mùa A C. Ngày 15/3/2020, trong khoảng thời gian từ 07 giờ sáng đến 15 giờ chiều, Mùa A S đã chỉ ranh giới và cùng nhóm người trên dùng dao quắm, cưa máy chặt phá toàn bộ cây gỗ, cây bụi, dây leo tại khu rừng phòng hộ, trạng thái rừng IIa thuộc tiểu khu 451, khoảnh 11, lô đ thuộc bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên với diện tích rừng bị chặt phá là 8.299 m². Đến 15 giờ cùng ngày, Mùa A P gọi điện cho Mùa A S nói mọi người dừng lại không được phát nữa do có chủ rừng là Cur Văn C nói là khu vực Mùa A S đang phát là rừng phòng hộ đã được chi trả dịch vụ môi trường rừng. Ngày 23/6/2020, Hạt Kiểm Lâm huyện N, tỉnh Điện Biên khởi tố vụ án Hủy hoại rừng, theo quy định tại khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Ngày 14/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện N Quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam Mùa A S. Ngày 23/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện N Quyết định truy nã bị can do Mùa A S bỏ trốn khỏi địa bàn cư trú. Ngày 09/3/2021, Mùa A S đã đến đầu thú tại Công an huyện N, tỉnh Điện Biên. Cơ quan CSĐT Công an huyện N đã tiếp nhận người đến đầu thú và tiến hành điều tra vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện N xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về doanh thu môi trường tại khu vực rừng đã bị hủy hoại trị giá 14.193.000 đồng.

Cáo trạng số 21/CT-VKSNP ngày 07/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Mùa A S về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm e khoản 2 Điều 234 của Bộ luật hình sự.

L luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên phạt bị cáo Mùa A S từ 36 đến 42 tháng tù về tội Hủy hoại rừng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 14.193.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Đại diện cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên là nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền Hội đồng định giá về tài sản đã xác định. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo Mùa A S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 07 giờ 10 phút ngày 29/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục 78, 79 xác định thì diện tích rừng do Mùa A S chặt phá là 8.299 m².

Tại biên bản kiểm tra hiện trường hồi 08 giờ ngày 29/4/2020 bút lục 108, 109 xác định: diện tích rừng bị chặt phá thuộc tiểu khu 451, khoảnh 11, lô đ, quy hoạch rừng phòng hộ đầu nguồn, trạng thái TXP. Tổng diện tích thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 8.299 m², tổng số cây bị thiệt hại 653 cây, trữ lượng trên diện tích rừng bị phá 15,453 m³, tổng trữ lượng m³/ha 55,86 m³ thuộc rừng xanh nghèo. Củi tận thu trên diện tích rừng bị phá 6,966 ster. Mức độ thiệt hại 100%.

Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 14/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện N xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và thiệt hại về doanh thu môi trường tại khu vực rừng đã bị hủy hoại trị giá 14.193.000 đồng.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Mùa A S có tội. Hành vi của bị cáo được phát hiện từ ngày 31/3/2020 và khởi tố vụ án ngày 23/6/2020, khởi tố bị can ngày 14/9/2020. Trong quá trình điều tra, bị cáo Mùa A S bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tạm đình chỉ điều tra vụ án và truy nã bị can. Đến ngày 09/3/2021, Mùa A S đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú và vụ án được phục hồi điều tra. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mùa A S có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Bị cáo Mùa A S đã hủy hoại với mức độ thiệt hại trên diện tích rừng bị phá là 8.299 m², tổng số cây bị thiệt hại 653 cây, trữ lượng trên diện tích rừng bị phá 15,453 m³, tổng trữ lượng m³/ha 55,86 m³ thuộc rừng xanh nghèo. Củ tận thu trên diện tích rừng bị phá 6,966 ster. Mức độ thiệt hại 100%. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 14.193.000 đồng. Với diện tích và giá trị thiệt hại về tài sản cho Nhà nước như đã nhận định ở trên thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt cao nhất từ 03 đến 07 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Mùa A S là người dân tộc Mông sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở xã, bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích làm nương phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để gia đình tự nguyện nộp số tiền 6.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Sau khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phát lệnh truy nã và vận động gia đình thì ngày 09/3/2021, bị cáo Mùa A S đã tự nguyện đến Công an huyện N đầu thú về hành vi của mình. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

hình sự và các tình tiết khác để áp dụng hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí HSST và án phí DSST cho bị cáo Mùa A S. Đề nghị của Luật sư Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Mùa A S.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt, phá rừng phòng hộ gây thiệt hại về trữ lượng rừng với giá trị là 14.193.000 đồng. Đây là tài sản của Nhà nước nên căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015 buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho Nhà nước. UBND xã N, huyện N là cơ quan đại diện nhận số tiền bồi thường của bị cáo đối với Nhà nước.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Vật chứng của vụ án là một con dao quắm dài 71 cm thu giữ của Giàng Thị L và một con dao quắm có chiều dài 100 cm thu giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng chặt phá cây rừng. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số lượng gỗ bị chặt phá không bị đốt nhưng do thời gian đã bị khoai mục, không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Chiếc máy cưa bị cáo mượn của anh trai là Mùa A P để cắt cây rừng, do máy cưa đã hỏng, Mùa A P đã bán sắt vụn. Dao quắm của Mùa A T, Mùa A C đã bị thất lạc, không truy tìm được. Dao quắm của Ma A G, Hạng Thị C, Ma Seo N, Ma Seo S, Mùa A S, Mùa A S, Hồ Thị L sau khi phát nương đổi công cho Mùa A S các đối tượng này không có mặt tại địa bàn cư trú, cơ quan CSĐT Công an huyện N không thu giữ được vật chứng, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[12] Các vấn đề khác: Đối với Ma A G, Hạng Thị C, Ma Seo N, Ma Seo S, Mùa A T, Mùa A S, Mùa A S, Hồ Thị L, Mùa A C cùng đi phát nương cùng với bị cáo, do những người này đều là lao động đổi công cho gia đình bị cáo mà không biết mục đích phá rừng của bị cáo. Do vậy hành vi của các đối tượng trên không cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo có nói với vợ là Giàng Thị L về việc đi phát nương nhưng không nói rõ là phát nương thuộc rừng phòng hộ, không có bàn bạc gì. Giàng Thị L không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu Mùa A P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền đã mua đất của Vàng A H không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 243; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Mùa A S** phạm tội "**Hủy hoại rừng**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Mùa A S 36** (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 09/3/2021.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, Điều 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Mùa A S phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền: 14.193.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2010/02723 ngày 13/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp 8.193.000 đồng (Tám triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng). Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên đại diện nhận số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước thì bị cáo Mùa A S phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 con dao quắm có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 07/6/2021 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Mùa A S, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/9/2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Bị cáo, người bào chữa, người có QLNVLQ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân